

Số: 89/QĐ-UBND

An Giang, ngày 21 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung
và bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về việc kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 160/QĐ-BYT ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Tài chính y tế tại Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ và Thông tư số 01/2025/TT-BYT ngày 01/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 175/QĐ-BYT ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Bộ Y tế về việc Công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế quy định tại Thông tư số 49/2024/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Y tế quy định Bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế liên tịch ban hành;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tỉnh An Giang tại Tờ trình số 07/TTr-SYT ngày 15 tháng 01 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế tỉnh An Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

- Sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính tại Mục I, Lĩnh vực Khám bệnh, chữa bệnh các số thứ tự 3, 4, 5, 6 kèm theo Quyết định số 2811/QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế tỉnh An Giang.

- Sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính số 132, Mục 17, Phụ lục I công bố kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thực hiện và không thực hiện tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.

- Bãi bỏ thủ tục hành chính thứ tự số 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35; Mục V, Lĩnh vực Giám định y khoa ban hành kèm theo Quyết định số 234/QĐ-UBND ngày 04 tháng 02 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế tỉnh An Giang.

- Bổ sung danh mục thủ tục hành chính mới ban hành của cấp tỉnh vào thực hiện tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Y tế; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Y tế;
- Cục kiểm soát TTHC – VPCP;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VP. UBND tỉnh: LĐVP, TH;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Website tỉnh;
- Viễn thông An Giang (VNPT);
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Hồ Văn Mừng

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ BỊ BÃI BỎ
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ Y TẾ TỈNH AN GIANG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

Stt	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	2.001265.000.00.00.H01	Thủ tục khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế	Nghị định số 02/2025/NĐ-CP và Thông tư số 01/2025/TT-BYT	Tài chính y tế	Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế
2	1.003048.000.00.00.H01	Ký Hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế lần đầu	Nghị định số 02/2025/NĐ-CP		Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế, Cơ quan Bảo hiểm xã hội
3	2.001252.000.00.00.H01	Ký Hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế hằng năm			
4	1.003034.000.00.00.H01	Ký Hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế đối với Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt bổ sung chức năng, nhiệm vụ, phạm vi chuyên môn, cấp chuyên môn kỹ thuật trong việc thực hiện khám bệnh, chữa bệnh			

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	1.003691.000.00.00.H01	Khám giám định y khoa lần đầu đối với người hoạt động kháng chiến bị phơi nhiễm với chất độc hóa học quy định tại Điều 38 Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng	Thông tư số 49/2024/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Y tế quy định Bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế liên tịch ban hành	Giám định y khoa	Hội đồng Giám định y khoa cấp tỉnh
2	1.003662.000.00.00.H01	Khám giám định y khoa lần đầu đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị phơi nhiễm với chất độc hóa học quy định tại Điều 38 Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng		Giám định y khoa	
3	1.002412.000.00.00.H01	Khám giám định đối với trường hợp vết thương tái phát do Trung tâm giám định y khoa tỉnh, thành phố thực hiện		Giám định y khoa	Trung tâm giám định y khoa tỉnh, thành phố
4	1.002405.000.00.00.H01	Khám giám định đối với trường hợp vết thương còn sót do Trung tâm giám định y khoa tỉnh, thành phố thực hiện		Giám định y khoa	

5	1.002392.000.00.00.H01	Khám giám định đối với trường hợp bổ sung vết thương do Trung tâm giám định y khoa tỉnh, thành phố thực hiện		Giám định y khoa	
6	2.001022.000.00.00.H01	Khám giám định đối với trường hợp đã được xác định tỷ lệ tạm thời do Trung tâm giám định y khoa tỉnh, thành phố thực hiện		Giám định y khoa	
7	1.002360.000.00.00.H01	Khám giám định thương tật lần đầu do Trung tâm giám định y khoa tỉnh, thành phố hoặc Trung tâm giám định y khoa thuộc Bộ Giao thông vận tải thực hiện		Giám định y khoa	Trung tâm giám định y khoa tỉnh, thành phố; Trung tâm giám định y khoa thuộc Bộ Giao thông vận tải